

Bản án số: 107/2018/DS-PT

Ngày: 06-6-2018

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quý

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Kim Rết

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hui”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 188/2017/DS – ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: N, ấp C, xã H, thành phố B, Đồng Nai

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: E, khu liên kế H, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: N, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: nhà ở tổ H, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 23, chung cư B, Khu chung cư H, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: nhà không số, tổ H, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

5. Bà Dương Thị B, sinh năm 1954

Địa chỉ: nhà không số, tổ H, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- *Người kháng cáo:* bị đơn Bà Đỗ Thị H

(bà N, bà H - có mặt, bà N, bà N - có đơn xin vắng mặt, bà H, bà Đặng Thị H, bà B – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2017, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2017, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Pha L trình bày:

Bà Nguyễn Thị N đã tham gia chơi các dây hội ngày 30, ngày 25, ngày 10 và hội tuần với bà Đỗ Thị H, do bà H làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Về dây hội ngày 30 hàng tháng: 5.000.000đ/tháng/phần, bà N tham gia 02 phần, đã hót 01 phần và còn lại 01 phần đang đóng tiền. Hội bắt đầu đóng từ ngày 01/11/2015, có 12 người tham gia chơi (theo lời bà H thông báo), bà N đã đóng được 09 tháng cụ thể: tháng 11 đóng 5.000.000đ; tháng 12 đóng 3.900.000đ, tháng 01/2016 đóng 4.000.000đ; tháng 02 đóng 4.300.000đ; tháng 3 đóng 4.300.000đ; tháng 4 đóng 4.900.000đ; tháng 5 đóng 4.300.000đ; tháng 6 đóng 3.650.000đ; tháng 7 đóng 4.500.000đ. Tổng cộng: 38.850.000đ

- Về dây hội ngày 25 hàng tháng: 2.000.000đ/tháng/phần, bà N tham gia chơi 02 phần bắt đầu đóng từ tháng 9/2015 nhưng do vào khoảng gần cuối tháng 10/2015 bà mới vào chơi nên đã đóng bù cho bà H 02 tháng 9 và tháng 10/2015 cụ thể: ngày 21/10/2015 đóng bù phần hội của tháng 9: 2.950.000đ; ngày 27/10/2015 đóng bù cho phần hội của ngày 25/10 là 3.200.000đ; tháng 11 đóng 3.000.000đ; tháng 12 đóng 3.600.000đ; tháng 01/2016 đóng 3.650.000đ; tháng 2 đóng 3.700.000đ; tháng 3 đóng 3.640.000đ; tháng 4 đóng 3.600.000đ; tháng 5 đóng 3.540.000đ; tháng 6 đóng 3.600.000đ, tháng 7 đóng 3.500.000đ. Tổng cộng 37.980.000đ.

- Về dây hội ngày 10 hàng tháng: 5.000.000đ/tháng/phần, bà N chơi 01 phần và chưa hót. Hội bắt đầu chơi ngày 10/5/2016, có bao nhiêu người tham gia bà N không rõ, bà N chỉ biết tới ngày bà N không hót đợt đó thì bà H sẽ thông báo cho bà N số tiền phải đóng, bà N đã đóng được 03 lần cho dây hội này gồm: tháng 5 đóng 3.900.000đ; tháng 6 đóng 4.200.000đ; tháng 7 đóng 4.300.000đ. Tổng số tiền bà N đã đóng là 12.400.000đ.

- Hội tuần: 500.000đ/tuần/phần, bà N tham gia chơi 04 phần, đã hót 02 phần và còn đóng 02 phần. Hội bắt đầu chơi từ ngày 28/3/2016, bắt đầu đóng từ tháng 4/2016 cụ thể: tuần 1 đóng 800.000đ, tuần 2 đóng 800.000đ; tuần 3 đóng 800.000đ; tuần 4 đóng 800.000đ; tuần 5 đóng 900.000đ; tuần 6 đóng 900.000đ, tuần 7 đóng 800.000đ ; tuần 8 đóng 900.000đ, tuần 10 đóng 910.000đ; tuần 11 đóng 900.000đ; tuần 12 đóng 920.000đ; tuần 13 đóng 920.000đ, tuần 14 đóng 920.000đ; tuần 15 đóng 900.000đ; tuần 16 đóng 940.000đ; tuần 17 đóng 950.000đ; tuần 18 đóng 950.000đ; tuần 19 đóng 940.000đ; tuần 20 đóng 940.000đ; tuần 21 đóng 940.000đ. Tổng cộng 18.730.000đ.

Như vậy tổng số tiền hụi bà N đã đóng cho bà H tới thời điểm bà H thông báo vỡ hụi là 100.960.000đ. Về những người chơi hụi cụ thể thì bà N không biết do bà H không cho người chơi hụi gặp nhau, mỗi lần mở hụi thì bà H chỉ thông báo cho bà N biết người hốt và số tiền đóng tiếp. Tuy nhiên, sau khi vỡ hụi thì những người chơi có tìm gặp nhau để hỏi và bà cũng không biết những người này.

Đầu tháng 9/2016 bà H gặp bà N thông báo vỡ nợ và xin hện trả nợ, bà H có viết giấy tay thông kê số nợ hiện tại với bà N là 100.400.000đ và bà N đã giữ tờ giấy này, sau đó bà H xin làm tròn thành 100.000.000đ và viết cho bà N tờ giấy chốt hụi 100.000.000đ và bà N đã đồng ý cho bà H trả 100.000.000đ nhưng sau đó nhiều lần bà N yêu cầu nhưng bà H cố tình không trả. Nên bà N khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền hụi còn nợ là 100.000.000đ.

Ngày 28/7/2017, bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, do quá trình bà H không thanh toán tiền nợ hụi bà N có đến lấy đồ dùng sinh hoạt tại nhà bà H để trừ vào số tiền nợ tính tới tháng 12/2016, bà N đã lấy tổng cộng giá trị hàng là 11.000.000đ. Trừ vào số tiền nợ hụi của bà H thì còn 89.000.000đ. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H trả lại cho bà số tiền hụi 89.000.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà N chơi với bà tổng cộng 2 dây hụi, 1 dây 500.000đ bắt đầu chơi vào tháng 8/2015 gồm 21 người chơi, bà N chơi 1 phần và đóng đủ đến tháng 7/2016. Tiếp theo là dây hụi 2.000.000đ bắt đầu chơi từ tháng 10/2015 đóng tiền vào ngày 10 hàng tháng, bà N chơi 1 phần và đóng tiền đủ đến tháng 7/2016. Đến tháng 8/2016 bà đi mỏ về nên không thu tiền hụi của ai cả. Đến tháng 9/2016 bà không thu tiền của bà N nữa. Bà có nói với bà N là không thu nữa và có ghi chung vào sổ bán hàng 1 đến 2 dây hụi của bà N và cuốn sổ đó đã bị thất lạc do dọn nhà. Sổ này là sổ ghi chép riêng của bà không có ai ký nhận trên sổ. Về giấy chơi hụi bà N cung cấp cho Tòa thì nội dung, chữ viết, số đúng là do bà viết ra nhưng chữ “N” trên giấy không phải chữ viết của bà. Giấy này từ đâu bà N có thì bà không biết, giấy này là giấy cộng hụi bà viết cho chị dâu của bà là Đặng Thị H mấy năm trước. Tổng số tiền bà nợ hụi bà N khoảng 22.000.000đ nhưng đã trả cho bà N vào hàng tháng mà bà N có ký tên vào. Ngày 25/01/2017 bà N có đến nhà bà lấy phần tiền còn lại rồi xé luôn cuốn sổ mà bà N đã ký. Ngoài việc lấy tiền hàng tháng bà N còn lấy gạo, gas, mắm, muối, dầu, bột ngọt từ tháng 9 đến khoảng tháng 11/2016 tổng cộng 13.000.000đ. Nay bà N yêu cầu bà thanh toán số tiền chơi hụi là 100.000.000đ thì bà không đồng ý.

Đối với yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà N chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 89.000.000đ, Tòa đã tiến hành gửi thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết đối chất nhưng bà H đều vắng mặt nên không có ý kiến nào khác.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là hàng xóm của bà H và bà N và bà là người tham gia chơi hụi do bà Đỗ Thị H làm chủ, bà tham gia 05 dây 1.000.000đ và 02 dây 2.000.000đ. Dây 1.000.000đ bắt đầu từ ngày 10/5/2015, dây 2.000.000đ bắt đầu từ ngày 25/9/2015. Bà có biết bà N có tham gia chơi hụi cùng

và có gặp bà N đóng hụi cho bà H. Bà N có tham gia chơi dây hụi 2.000.000đ với bà. Bà H có viết giấy giao hụi cho bà, chữ viết và chữ số trong tờ giấy này là do bà H viết và đưa cho bà. Ngoài ra bà N còn tham gia chơi dây hụi nào khác hay không bà không biết. Bà cung cấp những giấy tờ về việc chơi hụi của bà để Tòa xem xét. Bà cam đoan lời khai là thật.

Người làm chứng bà Trần Thị N trình bày: Bà có tham gia chơi hụi với bà Đỗ Thị H, hụi 1.000.000đ bắt đầu từ ngày 25/4/2015, hụi 500.000đ bắt đầu từ 3/4/2016 và hụi 5.000.000đ bắt đầu từ 10/6/2016. Trong quá trình chơi hụi, do bà H làm chủ hụi đến ngày đóng hụi bà H gọi điện bà tự đến nhà bà H đóng hụi cho bà H hoặc đóng cho bà B là mẹ bà H. Bà không biết những ai tham gia chơi hụi cùng, bà H không cho khui hụi, bà muốn hốt hụi chót nên không để ý vấn đề này lắm. Khi đến ngày bà hốt hụi thì bà H báo bẻ hụi, lúc đó những người chơi hụi mới tìm nhau và sau đó bà mới biết bà N cũng tham gia chơi hụi cùng.

Người làm chứng bà Trần Thị H trình bày: Bà là người tham gia chơi hụi do bà H làm chủ từ khoảng năm 2013 cho đến khi bà H tuyên bố bẻ hụi. Bà có tham gia chơi 02 dây chung với bà N, bà và bà N biết nhau là do từ khi chơi hụi cùng nhau do mỗi lần đóng hụi tới nhà bà H thì có gặp nhau và nói chuyện, cụ thể:

Dây 2.000.000đ/tháng bắt đầu chơi từ ngày 25/9/2015, bà chơi 3 phần khi bà chơi thì có 11 hụi viên, nhưng sau đó có thêm người chơi thì bà H tự đưa vào, thông báo cho bà, bà đã hốt 1 phần, còn lại 2 phần chưa hốt, bà N có chơi chung nhưng cụ thể chơi bao nhiêu phần và chơi từ bao giờ thì bà không biết, mỗi lần bà đóng bà H có viết giấy cho bà (nộp kèm bản photo).

Dây hụi tuần: mỗi phần là 500.000đ, bắt đầu từ ngày 03/4/2016, ngày hết 26/9/2016, dây này bà đã được hốt hết, bà N có chơi chung với bà cụ thể chơi bao nhiêu phần thì bà không biết, mỗi lần đóng hụi thì bà H có viết giấy cho bà. Hiện nay bà H còn nợ bà số tiền hụi 54.000.000đ. Bà chỉ chơi chung với bà N 02 dây hụi trên, còn bà N có chơi thêm dây hụi nào khác không thì bà không biết. Bà có gặp bà N đến đóng tiền hụi cho bà H nhiều lần khi bà cũng đến đóng hụi. Bà có giấy nhận nợ do chính bà H viết cho bà nhưng do hiện tại bà H còn nợ tiền hụi của bà nên bà cung cấp bản phô tô các giấy nhận nợ nói trên.

Tại bản án sơ thẩm số 188/2017/DS – ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 479, Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 144/2006/NQ-HĐTP ngày 27/11/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hụi” đối với bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Đỗ Thị H thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui là 89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành xong số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 4.450.000đ (bốn triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số 008559 ngày 17/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, bà Đỗ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo: Bà H kháng cáo cho rằng tờ giấy hót hui với tổng số tiền 100.000.000đ là do bà viết cho chị dâu của bà tên Đặng Thị H, chứ không phải bà Nguyễn Thị N nhưng không được bà Đặng Thị H thừa nhận. Do đó, kháng cáo của bà Đỗ Thị H là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên Tòa phúc thẩm bà N đồng ý trừ 2.000.000đ mà bà mua hàng thiếu của bà H. Như vậy, bà N chỉ yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ hui còn thiếu là 87.000.000đ. Xét sự tự nguyện này là không trái pháp luật, có lợi cho bà H nên ghi nhận

Từ phân tích đã nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của bà N, buộc bà H phải thanh toán cho bà N số tiền nợ hui là 87.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn làm đơn kháng cáo hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Tòa cấp sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà Đỗ Thị H vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập đầy đủ lời khai của những người làm chứng; bà Trần Thị H, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị N, bà Dương Thị B, bà Đặng Thị H nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hội” là có căn cứ

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N:

Xét thấy, bà N trình bày bà có tham gia chơi hội do bà H làm chủ gồm các dây hội ngày 30 hàng tháng số tiền 5.000.000đ/tháng/phần, dây hội ngày 25 hàng tháng 2.000.000đ/tháng/phần, dây hội ngày 10 hàng tháng: 5.000.000đ/tháng/phần, hội tuần 500.000đ/tuần/phần. Bà N đã xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là tờ giấy chốt hội và những tờ giấy ghi hội bà N cung cấp cho Tòa (bút lục 27, 29, 30, 31) do bà H trực tiếp ghi cho bà và giao cho bà mỗi lần bà ăn hội, cụ thể:

Tờ giấy ghi hội (bút lục 31) thể hiện “*Tuần 500, vào: CN 3.4.16, hết: CN25.9.2016, N, 20 phần chết = 10.000.000, 5 phần X 480 = 2.400.000đ, 12.400.000đ X 2 = 24.800.000, còn 400.000, đóng lại 2 phần 960.000đ*”, theo bà N trình bày đây là giấy ăn hội tuần: 500.000đ/tuần/phần, bà tham gia chơi 04 phần, đã hốt 02 phần và còn đóng 02 phần

Tờ giấy ghi hội (bút lục 30) thể hiện “*Hội 5.000.000, bắt đầu vào: 30.11.15, hết ngày: 30.10.16, chị N, 6 phần chết = 30.000.000, 5 phần x 4.300. = 21.500.000đ, tổng cộng 51.500.000đ, còn – 2.500.000đ, đóng lại 1 phần 4.300.000đ, 44.700.000đ*” theo bà N đây là giấy ăn hội của dây hội ngày 30 hàng tháng: 5.000.000đ/tháng/phần bà tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần và còn lại 01 phần đang đóng tiền

Tờ giấy chốt hội cuối cùng với tổng số tiền 100.000.000đ (bút lục 27)

Bà H chỉ thừa nhận có tham gia chơi hội với bà Nguyễn Thị N 02 dây hội 01 dây hội 500.000đ và 1 dây hội 2.000.000đ từ tháng 9/2015 và đến tháng 8/2016. Tổng số tiền bà H nợ hội bà N khoảng 22.000.000đ nhưng đã trả cho bà N vào hàng tháng mà bà N có ký tên. Ngày 25/01/2017, bà N có đến nhà bà H lấy phần tiền còn lại rồi xé luôn cuốn sổ mà bà N đã ký. Ngoài việc lấy tiền hàng tháng bà N còn lấy gạo, gas, mắm, muối, dầu, bột ngọt từ tháng 9 đến khoảng tháng 11/2016 tổng cộng 13.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Như vậy, việc bà N có tham gia chơi hội với bà H là có thật việc này được bà H và những người làm chứng; bà H, bà N, bà N cũng xác nhận. Mặt khác đối với chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là tờ giấy chốt hội và những tờ giấy ghi hội bà N cung cấp cho Tòa (bút lục 29, 30, 31) bà H cũng thừa nhận là chữ viết của bà. Đối với giấy hội có ghi chữ N ở trên với số tiền tổng cộng là 100.000.000đ (bút lục 27) bà H cho rằng nội dung chữ viết, chữ số là chữ viết của bà nhưng do bà viết cộng hội cho bà Đặng Thị H là chị dâu của bà. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Đặng Thị H xác nhận bà có chơi hội với bà Đỗ Thị H nhưng đã thanh toán xong, còn ghi chữ N ở trên với số tiền tổng cộng là 100.000.000đ (bút lục 27) thì bà không biết là ai viết, viết cho ai, mục đích để làm gì (bút lục 159, 163, 164). Do đó, việc trình bày của bà Đỗ Thị H là không có căn cứ.

Đối với việc bà N và bà Đỗ Thị H trình: bà N có đến nhà bà H lấy đồ dùng sinh hoạt; bà N cho rằng trị giá là 11.000.000đ, bà N cho rằng trị giá là 13.000.000đ nhưng các bên không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Theo người làm chứng bà Dương Thị B xác nhận có việc bà N đến nhà bà H lấy đồ dùng sinh hoạt nhưng bà không biết tổng cộng và trị giá là bao nhiêu (bút lục 160, 163, 164)

). Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà N đồng ý cản trừ số tiền mà bà H cho rằng bà N đã lấy đồ dùng sinh hoạt trị giá 13.000.000đ và chỉ còn yêu cầu bà H thanh toán số tiền 87.000.000đ. Xét sự tự nguyện này là không trái pháp luật, có lợi cho bà H nên ghi nhận.

Từ phân tích và nhân định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự nguyện của bà N về việc đồng ý trừ 13.000.000đ mà bà N mua hàng thiếu bà H, buộc bà H phải thanh toán cho bà N số tiền nợ hui còn thiếu 87.000.000đ.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đặng Thị H phải chịu 4.350.000đ. Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 008559 ngày 17/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị H không phải chịu. Trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 003893 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bà H phải chịu. Bà H còn phải nộp 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H, sửa một phần bản sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc đồng ý trừ 13.000.000đ mà bà N mua hàng thiếu bà H, buộc bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho bà N số tiền nợ hui còn thiếu 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng)

Áp dụng Điều 479, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 144/2006/NQ-HĐTP ngày 27/11/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hui” đối với bà Đỗ Thị H. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc đồng ý trừ 13.000.000đ mà bà N mua hàng thiếu bà H, buộc bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho bà N số tiền nợ hui còn thiếu 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng)

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đặng Thị H phải chịu. Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 008559 ngày 17/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị H không phải chịu. Trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 003893 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bà H phải chịu. Bà H còn phải nộp 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND TP Biên Hòa;
- VKS.ND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS TP Biên Hòa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quý

